

Số: 39/2022/QĐST-HNGĐ

TT, ngày 14 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn BC, xã TV, huyện TT, tỉnh TH.

2. Bị đơn: Chị Đào Thị G - Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn BC, xã TV, huyện TT, tỉnh TH.

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 3,4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Đào Thị G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đào Thị G có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng S (Giới tính: nam), sinh ngày: 22/9/2011 và cháu Nguyễn Thị Yến N (Giới tính: nữ), sinh ngày: 01/01/2015. Sau khi ly hôn, giao cả hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi cháu 750.000 đồng/ tháng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng một tháng). Hai cháu là 1.500.000 đồng/ tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 7/2022 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Chị G có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Văn T và chị Đào Thị G thống nhất: Vợ chồng có tài sản chung trị giá 185.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng) gồm:
- + 01 căn nhà cấp 4 trị giá 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).
 - + 825m² đất trong đó có 120m² đất ở và 703m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 325, tờ bản đồ 21 tại thôn BC, xã TV, huyện TT, tỉnh TH. Có trị giá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).
 - + 01 Xe máy YAMAHA trị giá 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Sau khi ly hôn, anh T là người trực tiếp quản lý, sử dụng các tài sản trên, anh T không phải trả tiền chênh lệch về tài sản cho chị G.
- *Về công nợ*: Anh Nguyễn Văn T và chị Đào Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T và chị Đào Thị G, thống nhất, thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn T chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí chia tài sản chung của vợ, chồng là 4.625.000đ (Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng các khoản án phí là 4.925.000đ (Bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình và án phí chia tài sản chung số tiền 3.420.000đ (Ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh TH, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0007635 ngày 11/5/2022. Anh Nguyễn Văn T còn phải nộp số tiền 1.505.000đ (Một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- THADS huyện TT;
- UBND xã TV, huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Tuấn

